**Tuần: 10**   **Ngày soạn: 31 / 10 /2022**

**Tiết: 10 Ngày dạy: 10 / 11 /2022**

**KIỂM TRA GIỮA KỲ I**

**I. MỤC TIÊU KIỂM TRA.**

**1/ Kiến thức**

- Giúp học sinh ôn tập, củng cố những kiến thức đã học chủ đề 1, chủ đề 2, chủ đề 3( Nhiệm vụ 1,2,3,4).

- Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống.

**2/ Năng lực**

- Năng lực điều chỉnh hành vi: Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nẩy sinh trong thực tiễn cuộc sống, hình thành thói quen suy nghĩ và hành động phù hợp với lứa tuổi

- Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức đánh giá bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm có những điều chỉnh phù hợp cho quá trình học tập

**3/ Phẩm chất**

- Giáo dục học sinh ý thức tự giác, trung thực, trách nhiệm.

**II. HÌNH THỨC ĐỀ KIỂM TRA:** Kết hợp kiểm tra trắc nghiệm khách quan và tự luận. Trắc nghiệm khách quan 30% (3,0 điểm), tự luận 70% (7,0 điểm)

**III. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề** | **Nội dung** | **Mức độ nhâṇ thức** | | | | | | | | **Tổng** | | |
| **Nhâṇ biết** | | **Thông hiểu** | | **Vâṇ dung** | | **Vâṇ dung cao** | | **Tỉ lệ** | | **Tổng**  **Điểm** |
| **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** |
| 1 | Hoạt động giáo dục theo chủ đề | 1. Rèn luyện thói quen. | 4 câu | 1 câu | 2 câu |  |  |  |  |  | 6 câu | 1 câu | **3,5** |
| 2. Rèn luyện sự kiên trì và chăm chỉ. | 2 câu |  | 2 câu |  |  | 1/2  câu |  | 1/2  câu | 4 câu | 1 câu | **5,0** |
| 3. Hợp tác thực hiện nhiệm vụ chung. | 2 câu |  |  | 1 câu |  |  |  |  | 2 câu | 1 câu | **1,5** |
| **Tổng** | | | **8** | **1** | **4** | **1** |  | **1/2** |  | **1/2** | **12** | **3** | **10 điểm** |
| **Tỉ lệ %** | | | **40%** | | **30%** | | **20%** | | **10%** | | **30%** | **70%** |
| **Tỉ lệ chung** | | | **40%** | | **30%** | | **30%** | | | | **100%** | |

**IV. BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA.**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mạch nội dung** | **Chủ đề** | **Mức độ đánh giá.** | **TN** | | **TL** | |
| Số câu | Câu | Số câu | Câu |
| **1** | Hoạt động giáo dục theo chủ đề | 1. Rèn luyện thói quen. | **1. Nhận biết:**  - Biểu hiện điểm mạnh và điểm hạn chế trong học tập và cuộc sống.  - Biểu hiện chưa biết kiểm soát bản thân.  - Biểu hiện, việc làm thể hiện rèn luyện thói quen ngăn nắp, gọn gàng sạch sẽ khi ở gia đình, ở trường.  - Chỉ ra được ảnh hưởng tốt của thói quen ngăn nắp, gọn gàng, sạch sẽ đến học tập và cuộc sống.  **2. Thông hiểu:**  - Xác định và liệt kê được những việc làm thể hiện rèn luyện thói quen ngăn nắp, gọn gàng sạch sẽ khi ở gia đình, ở trường. | 6 | 1 | 0 | 0 |
| 2. Rèn luyện sự kiên trì và chăm chỉ. | **1. Nhận biết:**  - Biểu hiện, việc làm của tính kiên trì và chăm chỉ và chưathể hiện rèn luyện sự kiên trì, chăm chỉ trong học tập và cuộc sống.  - Nêu được cách tự bảo vệ bản thân được an toàn tránh tình huống bắt cóc xảy ra.  **3. Vận dụng:**  Vận dụng trình bày được các bước rèn luyện tính kiên trì trong cuộc sống thông qua hình thành, từ bỏ thói quen  **4. Vận dụng cao:**  Chia sẻ được kết quả thực hiện của bản thân về các bước rèn luyện tính kiên trì trong cuộc sống thông qua hình thành, từ bỏ thói quen | 4 |  | 1/2 | 1/2 |
| 3. Hợp tác thực hiện nhiệm vụ chung. | **1. Nhận biết:**  - Biểu hiện của sự hợp tác và chưa hợp tác khi thực hiện nhiệm vụ chung.  **2. Thông hiểu:**  - Hiểu và giải thích được vì sao chúng ta cần phải hợp tác khi thực hiện nhiệm vụ chung. | 2 | 1 | 0 | 0 |
| **Tổng** | | |  | **12** | **2** | **1/2** | **1/2** |
| **Tỉ lệ** | | |  | **40** | **30** | **20** | **10** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **70** | | **30** | |

**V. BIÊN SOẠN ĐỀ KIỂM TRA**

**A. TRẮC NGHIỆM ( 3,0 điểm). Chọn đáp án đúng nhất**

**Câu 1:** Biểu hiện nào sau đây là điểm mạnh trong học tập và cuộc sống?

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** Giao tiếp tiếng Anh chưa tốt. | **B.** Không tự tin trước đám đông |
| **C.** Dễ nổi nóng, thiếu bình tĩnh. | **D.** Biết cách giải quyết vấn đề. |

**Câu 2:** Đâu là điểm hạn chế trong học tập và cuộc sống?

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** Có kĩ năng thuyết trình. | **B.** Có tính kỉ luật cao. |
| **C.** Thành thạo công nghệ thông tin. | **D.** Ngại giao tiếp. |

**Câu 3 :** Biểu hiện nào sau đây thể hiện chưa biết kiểm soát bản thân?

**A.** Hít thở đều và tập trung vào hít thở.

**B.** Suy nghĩ về những điều tích cực.

**C**. Không giữ những suy nghĩ và cảm xúc tiêu cực trong người.

**D.** Hay nổi nóng khi bị các bạn trêu chọc.

**Câu 4:** Việc làm nào sau đây thể hiện rèn luyện thói quen ngăn nắp, gọn gàng sạch sẽ khi ở gia đình?

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** Lau chùi bàn ghế, nhà cửa mỗi ngày. | **B.** Bày sách vở bừa bộn trên mặt bàn. |
| **C.** Ngủ dậy không gấp chăn màn. | **D.** Vứt quần áo bừa bãi. |

**Câu 5:** Việc làm nào sau đây thể hiện rèn luyện thói quen ngăn nắp, gọn gàng sạch sẽ khi ở trường?

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** Vệ sinh lớp học, kê bàn ghế ngay ngắn. | **B.** Thùng rác và chổi quét lớp vứt bừa bãi |
| **C.** Uống nước làm đổ ra lớp học.. | **D.** Ăn quà vặt xả rác ra lớp học. |

**Câu 6:** Chỉ ra đâu là ảnh hưởng tốt của thói quen ngăn nắp, gọn gàng, sạch sẽ đến học tập và cuộc sống.

**A.** Mất thời gian cho việc tìm kiếm đồ đạc, ảnh hưởng đến thời gian làm việc hữu ích.

**B.** Không gian sống và học tập bừa bộn, gây mất thiện cảm với những người xung quanh.

**C.** Gây phiền hà đến người khác

**D.** Tiết kiệm được thời gian, tạo cảm hứng tốt trong quá trình học tập và làm việc.

**Câu 7:** Đâu là biểu hiện của tính kiên trì và chăm chỉ?

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** Cố gắng vượt qua khó khăn để làm tốt công việc. | **B.** Ngại khó, ngại khổ. |
| **C.** Lười biếng, ỉ lại | **D.** Hay bỏ dở công việc. |

**Câu 8:** Việc làm nào sau đây ***chưa*** thể hiện rèn luyện sự chăm chỉ trong học tập và cuộc sống?

**A.** Lập kế hoạch cho học tập và các hoạt động khác

**B.** Chưa hoàn thành bài tập đầy đủ trước khi đến lớp.

**C.** Liên tục thực hiện các công việc theo kế hoạch.

**D.** Cam kết thực hiện đúng theo kế hoạch đã đặt ra.

**Câu 9:**  Việc làm nào sau đây ***chưa*** thể hiện rèn luyện sự kiên trì vượt qua khó khăn trong học tập và cuộc sống?

**A.** Xác định rõ mục tiêu của bản thân

**B.** Tìm cách đứng lên khi thất bại.

**C.** Gặp bài tập, công việc khó dễ nản không làm.

**D.** Luôn đặt ra mục tiêu cao hơn để hoàn thiện bản thân.

**Câu 10:** Nhà Hằng và nhà Nga cách nhau gần 1 km, lại phải đi qua một cánh đổng. Hằng rủ Nga sang nhà Hằng học nhóm vào các buổi tối để giúp Hằng học môn Tiếng Anh. Theo em, Nga nên giải quyết vấn đề này thế nào?

A.Vui vẻ nhận lời sang nhà Hằng học nhóm vào các buổi tối.

B. Nói với Hằng là nên chuyển việc học nhóm vào ban ngày để tránh rơi vào tình huống nguy hiểm khi đi một mình qua cánh đồng vào buổi tối.

C. Từ chối thẳng với Hằng.

D. Cân nhắc xem có nên đồng ý với Hằng không.

**Câu 11:**  Đâu ***không*** phải là biểu hiện của sự hợp tác để thực hiện nhiệm vụ chung ?

**A.** Tương tác giúp đỡ lẫn nhau.

**B.** Trao đổi, bàn bạc và hỗ trợ lẫn nhau cùng thực hiện nhiệm vụ.

**C.** Lắng nghe và chia sẻ với nhau trong cuộc sống.

**D.** Không hoàn thành nhiệm vụ thầy cô đã phân công.

**Câu 12:**  Đâu là biểu hiện sự hợp tác để thực hiện nhiệm vụ chung ?

|  |  |
| --- | --- |
| **A**. Làm bài tập nhóm theo môn học. | **B**. Không vệ sinh lớp học khi được phân công |
| **D**. Mất trật tự không chú ý nghe giảng | **D**. Từ chối không tham gia sinh hoạt đội. |

**TỰ LUẬN ( 7,0 điểm).**

**Câu 13:** **( 2 điểm)**

Nêu 4 việc làm thể hiện sự gọn gàng, ngăn nắp, sách sẽ của em ở gia đình và 4 việc làm thể hiện sự gọn gàng, ngăn nắp, sách sẽ của em ở trường?

**Câu 14:( 4 điểm)**

1. Em hãy cho biết các bước rèn luyện tính kiên trì trong cuộc sống thông qua hình thành, từ bỏ thói quen ?
2. Từ đó em hãy chia sẻ kết quả thực hiện của bản thân ?

**Câu 15. (1 điểm)**

Bạn M. trong lớp có hoàn cảnh khó khăn: bố mất sớm, mẹ thì đang bệnh nặng, bạn M. phải thường xuyên nghỉ học chăm mẹ. Cả lớp cùng họp để đưa ra phương án và kế hoạch giúp đỡ bạn M. Em hãy trình bày 2 ý kiến cá nhân của em để hỗ trợ bạn M.

**Hết**

**VI. ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM.**

**A. TRẮC NGHIỆM ( 3,0 điểm). Mỗi câu 0,25 điểm ( Chọn đáp án đúng nhất)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** |
| **Đáp án** | D | D | D | A | A | D | A | B | C | B | D | A |

**B. TỰ LUẬN ( 6,0 điểm).**

**Câu 13: (2,0đ)**

- Nêu 4 việc làm thể hiện sự gọn gàng, ngăn nắp, sách sẽ của em ở gia đình ( 1,0 đ)

+ Gấp chăn màn mỗi khi ngủ dậy.

+ Quét nhà, lau nhà mỗi ngày.

+ Sắp xếp đồ đạc, sách vở ngăn nắp.

+ Vệ sinh cá nhân, thay giặt quần áo thường xuyên.

- Nêu 4 việc làm thể hiện sự gọn gàng, ngăn nắp, sách sẽ của em ở nhà trường( 1,0 đ)

+ Kê bàn ghế ngay ngắn, thẳng hàng.

+ Thường xuyên vệ sinh lớp học sạch sẽ.

+ Dụng cụ lao động để ngăn nắp, gọn gàng.

+ Không viết, vẽ bậy lên bàn ghế.

**Câu 14: (4,0đ)**

- Các bước rèn luyện tính kiên trì trong cuộc sống thông qua hình thành, từ bỏ thói quen ( 3,0đ)

+ Bước 1: Lựa chọn một thói quen tốt em muốn hình thành/ một thói quen chưa tốt bem muốn từ bỏ( 1,0 đ)

+ Bước 2: Dự kiến những khó khăn trong quá trình rèn luyện và đề xuất cách khắc phục ( 1,0 đ)

+ Bước 3: Rèn luyện để hình thành thói quen tốt/ từ bỏ thói quen chưa tốt và chia sẻ kế quả thực hiện ( 1,0đ)

- Chia sẻ kết quả thực hiện của bản thân ( 1,0 đ). Học sinh tự nêu

**Câu 15: (1,0đ)**

**-** HS nêu được 2 ý kiến của riêng mình.

**\*Củng cố, dặn dò:**

- Thu bài, rút kinh nghiệm về tinh thần thái độ làm bài của học sinh

- Chuẩn bị tiếp chủ đề 3:

**PHỤ LỤC**

Tiêu chí xếp loại:

|  |  |
| --- | --- |
| **Điểm** | **Xếp loại** |
| Từ 5 đến 10 điểm | Đạt |
| Từ 0 đến 5 điểm | Chưa đạt |